TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/**2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Lợi

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Hổ

2. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T: Ông Tôn Minh Nhật – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 70/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1989 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/02/2021 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Tôi và anh Trần Văn H tự tìm hiểu và quen biết nhau, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân được sự thống nhất của gia đình 02 bên có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã M, huyện U M T tỉnh Kiên Giang. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình, tôi bắt được từ đó vợ chồng bất đồng quan điểm sống, cả hai có những ý kiến quan điểm trái ngược nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh

H không lo làm ăn, có đôi lần bạo lực gia đình với tôi, tôi đã cho nhiều cơ hội sữa chữa, tuy nhiên sự cố gắng đó của tôi không có kết quả tốt đẹp, hôn nhân bây giờ chỉ còn trên danh nghĩa. Tôi và anh H đã ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay.

Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, nên tôi yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung: 1/Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 01/11/2008; 2/ Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/8/2010; 3/ Trần Thị Thúy V, sinh ngày 19/8/2014. Hiện nay các con đang sống với tôi. Khi ly hôn tôi yêu cầu nuôi các con không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh Trần Văn H không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng phía anh Trần Văn H vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Văn H là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:* Tranh chấp giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với bị đơn anh Trần Văn H. Đây là tranh chấp việc ly hôn và nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn H tự tìm hiểu yêu thương nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/3/2008. Theo chị L vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 05 năm đầu tới năm thứ 6 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H ngoại tình mà còn không lo lắng làm ăn phụ giúp vợ để nuôi con. Chị đã nhiều lần khuyên nhủ, nhưng anh H tính nào tật nấy, thậm chí anh H còn đánh chị, hơn nữa vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mặc dù chị cũng hết sức cố gắng khắc phục tình trạng trên, nhưng xem ra sự việc vẫn không thay đổi. Nếu hôn nhân càng kéo dài, thì càng trở nên trầm trọng hơn và làm khổ cho cả hai. Anh, chị đã

ly thân từ cuối năm 2020 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa anh H và chị L là những mâu thuẫn thường gặp trong cuộc sống vợ chồng, đáng lẽ ra anh, chị phải biết nhường nhịn lẫn nhau tạo điều kiện để hàn gắn gia đình nuôi dạy con cái mới đúng, đằng này anh, chị lại sống ly thân nhau, làm cho mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. *Về con chung:* Chị L, anh H có 03 người con chung tên chung tên: 1/ Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 01/11/2008; 2/ Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/8/2010; 3/ Trần Thị Thúy V, sinh ngày 19/8/2014. Hiện nay các con đang sống với chị L. Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Khi chị L và anh H ly hôn, nguyện vọng của các cháu được sống với chị L, Nghĩ nên giao 03 cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. *Về tài sản chung, nợ:* Chị L cho rằng không có tài sản chung, không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát đề nghị: Về tố tụng: Thẩm phán – Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 71 BLTTDS, Bị đơn từ khi thụ lý đến nay không đến Tòa án, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 72 BLTTDS. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh H về con chung tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu. Về tài sản, nợ: Chị L không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Căn cứ vào Nghị Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì chị Hiện phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn. Chị L được khấu trừ án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000701 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị L không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

Quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử:

1. Cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 03 cháu: 1/Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 01/11/2008; 2/ Trần Thị Kim N, sinh ngày 27/8/2010; 3/ Trần Thị Thúy V, sinh ngày 19/8/2014. Cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng, anh H không cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu.

Anh Trần Văn H có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ: Chị L cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn:* Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí xin ly hôn. Chị L được khấu trừ án phí tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0000701 ngày 28/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T. Chị L không phải nộp thêm.

Báo cho chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn H vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (niêm yết) Bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát ND H. U M T;*
- *Chi cục Thi hành án DS H. U M T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu*: *Hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Lợi